

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 41/2010/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh đến năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHOÁ XIV - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 07/7/2010 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 07/7/2010 (có nội dung cơ bản của Đề án kèm theo).

Điều 2. HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh hướng dẫn triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Thái Bình khóa XIV kỳ họp thứ 14 thông qua./.

CHỦ TỊCH
Bùi Tiến Dũng

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN VỀ VIỆC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2010/NQ-HĐND
ngày 16/7/2010 của HĐND tỉnh)*

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:

1. Mục tiêu chung:

Qui hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp nhằm hình thành hệ thống khu, cụm công nghiệp thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa Thái Bình cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Hình thành các cơ sở, căn cứ cho việc hoạch định phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qui hoạch phát triển cụm công nghiệp với qui mô phù hợp theo từng giai đoạn nhằm định hướng quỹ đất, phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm vào những khu vực có tiềm năng, đáp ứng nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư, khoa học công nghệ, giải quyết việc làm và bảo vệ môi trường; gắn sản xuất với thị trường, vùng nguyên liệu.

Đưa tỷ lệ đóng góp của KCN, CCN vào tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 60% vào năm 2015 và đạt trên 70% vào năm 2020; tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của các KCN, CCN đạt trên 80% so với tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành; đến năm 2015 giải quyết việc làm cho khoảng 6,5 vạn lao động và đến năm 2020 giải quyết việc làm cho khoảng 8 vạn lao động.

2. Mục tiêu cụ thể:

** Giai đoạn đến 2015:*

- Điều chỉnh và thành lập mới một cách có chọn lọc các khu, cụm công nghiệp phấn đấu đến năm 2015 tổng diện tích đất các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 2.780 ha, thu hút đầu tư để lấp đầy trên 70% diện tích. Xây dựng hoàn thiện 70% các công trình xử lý chất thải trong khu công nghiệp và trên 50% tại cụm công nghiệp.

- Có biện pháp, chính sách chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Giá trị sản xuất đến năm 2015 đạt 15.829 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 25,85%/năm, chiếm 58% cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

** Giai đoạn từ 2016 đến 2020:*

- Rà soát bổ sung vào qui hoạch mạng lưới các khu, cụm công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, với tổng diện tích đất của khu, cụm là 4.399 ha, thu hút đầu tư để lấp đầy trên 80% diện tích.

- Hoàn thiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Giá trị sản xuất đến năm 2020 đạt 44.278 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 26,54%/năm, chiếm 74% cơ cấu công nghiệp của tỉnh.

II. NỘI DUNG QUI HOẠCH

2.1. Bỏ khỏi mạng lưới (theo QĐ 823): 10 khu công nghiệp, 22 cụm công nghiệp tổng diện tích 1.042 ha, gồm:

2.1.1. Khu công nghiệp: 10 khu (7 KCN bỏ khỏi mạng lưới, diện tích 1.990 ha và chuyển 03 khu công nghiệp thành cụm công nghiệp, diện tích 600 ha), cụ thể:

Huyện Vũ Thư:

- Khu An Hoà: diện tích 400 ha, do sử dụng diện tích nông nghiệp quá lớn và không phù hợp với giai đoạn hiện nay.

- KCN Minh Hoà: diện tích 390 ha, vì khu vực này của huyện Vũ Thư và Thành phố có nhiều khu, cụm công nghiệp.

Huyện Kiến Xương:

- KCN Kiến Xương: diện tích 200 ha, vì không rõ địa điểm và không có diện tích qui hoạch.

Huyện Thái Thụy:

- KCN Hồng Dũng (Thái Thụy) 500 ha, do vị trí không thuận lợi để chuyển sang qui hoạch KCN Thụy Trường.

- Chuyển KCN Thái Thọ diện tích 200 ha thành CCN diện tích 50 ha, vì thực tế Trung tâm Điện lực Thái Bình chỉ cần diện tích 50 ha để xử lý xỉ than.

Huyện Đông Hưng:

- Chuyển KCN Chương Dương, diện tích 200 ha thành cụm công nghiệp.

- KCN Hoa Lư - Đông Phú (Đông Hưng): diện tích 150 ha, vì chưa cần thiết qui hoạch.

Huyện Hưng Hà:

- KCN Hưng Nhân (Hưng Hà), diện tích 200 ha, chuyển thành cụm công nghiệp Hưng Nhân diện tích 50 ha. Do gần khu vực này qui hoạch cụm công nghiệp Tân Lễ và cụm công nghiệp Tiên Phong nên giảm qui hoạch KCN trong nội đồng.

Huyện Quỳnh Phụ:

- KCN Quỳnh Giao - Quỳnh Hồng (Quỳnh Phụ): diện tích 200 ha vì đã có qui hoạch cụm công nghiệp Quỳnh Hồng 17,8 ha.

- KCN Quỳnh Hưng - Quỳnh Hội, diện tích 150 ha do chưa cần thiết qui hoạch.

2.1.2. Cụm công nghiệp: 22 cụm, diện tích 1.042 ha, cụ thể:

Thành phố

- Cụm công nghiệp Phú Xuân - Tân Bình, diện tích 100 ha, do sử dụng diện tích đất nội đồng lớn và khu vực thành phố đã có nhiều khu, cụm công nghiệp.

- Cụm công nghiệp Đông Hoà - Đông Mỹ, diện tích 50 ha, khu vực thành phố đã có nhiều khu, cụm công nghiệp và địa điểm không phù hợp với qui hoạch chung.

- Cụm công nghiệp Vũ Lạc, xã Vũ Đông, diện tích 150 ha khu vực thành phố đã có nhiều khu, cụm công nghiệp và địa điểm không phù hợp với qui hoạch chung.

- Cụm công nghiệp Vũ Phúc, xã Vũ phúc diện tích 70 ha, khu vực thành phố đã có nhiều khu, cụm công nghiệp và địa điểm không phù hợp với qui hoạch chung.

Huyện Vũ Thư:

- Cụm công nghiệp Thái Hạc, xã Vệt Thuận, diện tích 50 ha, vì diện tích qui hoạch chỉ có 5 ha.

- Cụm công nghiệp Xuân Hoà, xã Xuân Hoà, Đông Thanh, diện tích 50 ha, do trùng lặp với điểm công nghiệp.

- Chuyển lên thành khu công nghiệp và đổi tên thành Golden, do địa điểm thuận lợi và diện tích đủ để qui nâng lên thành khu công nghiệp.

Huyện Kiến Xương:

- Cụm công nghiệp Cầu Bù, xã An Bồi, diện tích 30 ha, để giảm diện tích đất nội đồng, tập trung vào cho một số khu khác phù hợp hơn.

- Cụm công nghiệp Quang Hưng, xã Quang Hưng, diện tích 30 ha, để giảm diện tích đất nội đồng, tập trung vào cho một số khu khác phù hợp hơn.

Huyện Tiên Hải:

- Cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh, diện tích 40 ha, do chưa cần thiết qui hoạch, hơn nữa giai đoạn tới sẽ tập trung thành lập thêm một số khu công nghiệp ven biển.

- Cụm công nghiệp Nam Hồng, xã Nam Hồng, diện tích 150 ha để chuyển qui hoạch thành KCN Hồng Hưng (xã Nam Hồng và Nam Hưng).

- Cụm công nghiệp Nam Phong, xã Nam Phong, diện tích 150 ha, vì gần KCN Tiên Hải và KCN Đông Hoàng mới bổ sung.

Huyện Thái Thụy:

- Chuyển cụm công nghiệp Thụy Hà, xã Thụy Hà, diện tích 112 ha thành KCN Thụy Hà.

- Cụm công nghiệp Thái Thuỷ, xã Thái Thuỷ, diện tích 30 ha, do chưa cần thiết qui hoạch, và tập trung vào các khu công nghiệp mới trên đất bãi ven biển.

- Cụm công nghiệp Thái Giang, xã Thái Giang, diện tích 80 ha, để tập trung vào các khu công nghiệp mới trên đất bãi ven biển.

- Cụm công nghiệp Thụy Liên, xã Thụy Liên, diện tích 30 ha, để tập trung vào các khu công nghiệp mới trên đất bãi ven biển.

- Cụm công nghiệp Thượng Nguyên, xã Thái Thượng và Thái Nguyên, diện tích 30 ha thành KCN Thái Thượng.

Huyện Đông Hưng:

- Cụm công nghiệp Đông Hoàng, diện tích 30 ha, do chưa phù hợp trong giai đoạn này. Hơn nữa cần tập trung cho các cụm đã được qui hoạch và bổ sung thêm một số cụm mới.

- Cụm công nghiệp Đông Hà, diện tích 30 ha, do chưa phù hợp trong giai đoạn này, để tập trung cho các cụm đã được qui hoạch và bổ sung thêm một số cụm mới.

- Cụm công nghiệp Minh Tân, Thị trấn Tiên Hưng, diện tích 30 ha, do chưa phù hợp trong giai đoạn này, để tập trung cho các cụm đã được qui hoạch và bổ sung thêm một số cụm mới.

Huyện Quỳnh Phụ:

- Cụm công nghiệp An Đông, xã An Đông, diện tích 30 ha, giảm sử dụng đất nông nghiệp và giãn qui hoạch sang giai đoạn sau.

- Cụm công nghiệp An Vũ, xã An Vũ, diện tích 50 ha, giảm sử dụng đất nông nghiệp và giãn qui hoạch sang giai đoạn sau.

2.2. Bổ sung mạng lưới (theo QĐ 823): 07 khu công nghiệp, diện tích 1.792 ha và 25 cụm công nghiệp, tổng diện tích 484,4 ha, gồm:

2.2.1. Khu công nghiệp: 7 khu (05 KCN mới, 02 KCN chuyển từ cụm lên khu), diện tích 2.527 ha, gồm:

- Chuyển từ cụm lên thành KCN: Cụm Golden - Vũ Thư, diện tích 100 ha. Do diện tích lớn hơn 75 ha để phù hợp với Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 20/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh.

- KCN Thụy Hải - Thái Thụy, diện tích 300 ha, đây là khu vực ven biển, không phải đất lúa và gần quốc lộ ven biển.

- KCN Thụy Trường - Thái Thụy, diện tích 300 ha, đây là khu vực ven biển, không phải đất lúa và gần quốc lộ ven biển.

- KCN Thái Thượng - Thái Thụy, diện tích 300 ha, là khu vực ven biển, không phải đất lúa và gần quốc lộ ven biển.

- KCN Thụy Hà - Thái Thụy, diện tích 192 ha, chuyển từ cụm công nghiệp lên thành khu. Đây là khu vực đất lúa kém hiệu quả.

- KCN Đông Hoàng - Tiên Hải: diện tích 300 ha: là khu vực ven biển, không phải đất lúa và gần quốc lộ ven biển.

- KCN Hồng Hưng - Tiên Hải: diện tích 300 ha: là khu vực sông Hồng, thuộc đất bãi và đất canh tác kém hiệu quả.

2.2.2. Cụm công nghiệp: 25 cụm, diện tích 484,4 ha:

Thành phố: Cụm công nghiệp Trần Lãm, phường Trần Lãm, diện tích 20 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Vũ Thư:

- Cụm công nghiệp Nguyên Xá, xã Nguyên Xá, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Minh Lăng, xã Minh Lăng, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Phúc Thành, xã Phúc Thành, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Việt Hùng, xã Việt Hùng, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Kiến Xương:

- Cụm công nghiệp Hồng Thái, xã Hồng Thái, diện tích 10 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Nam Cao, xã Nam Cao, diện tích 10 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Tiên Hải:

- Cụm công nghiệp Nam Hà, xã Nam Hà, diện tích 20 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Nam Cường, xã Nam Cường, diện tích 15 ha, qui hoạch mới để phù hợp với mạng lưới chung của tỉnh
- Cụm công nghiệp Tây An, xã Tây An, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Thái Thụy:

- Cụm công nghiệp Thái Thọ, xã Thái Thọ, diện tích 50 ha: chuyển KCN thành CCN.
- Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Mỹ Lộc, diện tích 15,6 ha, qui hoạch mới để phục vụ cho giải quyết lao động khu Trung tâm điện lực.
- Cụm công nghiệp Thụy Dân, xã Thụy Dân, diện tích 10 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Đông Hưng:

- Cụm công nghiệp Nguyên Xá, xã Nguyên Xá, diện tích 20 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Mê Linh, xã Mê Linh, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Hồng Châu, xã Hồng Châu, diện tích 11 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Hưng Hà:

- Cụm công nghiệp Đông Đô, xã Đông Đô, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Minh Tân, xã Minh Tân, diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Hưng Nhân, Thị trấn Hưng Nhân, diện tích 50 ha, trước đây đã qui hoạch là khu công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Nhất Cẩm, xã Văn Cẩm và xã Thống Nhất, diện tích 50 ha, qui hoạch mới cho phù hợp với mạng lưới chung.
- Cụm công nghiệp Tiên Phong, Thị trấn Hưng Nhân, diện tích 10 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

Huyện Quỳnh Phụ:

- Cụm công nghiệp Đập Neo, xã Đồng Tiến, diện tích 30 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng, diện tích 17,8 ha, qui hoạch mới để phù hợp với qui hoạch chung của tỉnh.
- Cụm công nghiệp Hội Hải, xã Quỳnh Hội, xã Quỳnh Hải diện tích 15 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.
- Cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh, diện tích 10 ha, trước đây đã qui hoạch là điểm công nghiệp tại Quyết định 823.

2.3. Qui hoạch diện tích, đầu tư kết cấu hạ tầng, điện, nước, viễn thông**2.3.1. Khu Công nghiệp****- Mở rộng khu công nghiệp Tiên Hải**

Diện tích 350 ha, tại huyện Tiên Hải, giai đoạn 2016 đến 2020 là 99 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 495 tỷ đồng.

- Khu công nghiệp Sông Trà

Diện tích 200 ha, tại huyện Vũ Thư và Thành phố, giai đoạn 2010 đến 2015 là 50 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 250 tỷ đồng.

- Thành lập mới khu công nghiệp Đức Hiệp Hưng

Diện tích 150 ha, tại huyện Hưng Hà, giai đoạn 2016 đến 2020 là 150 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 750 tỷ đồng.

- Thành lập mới khu công nghiệp Thụy Trường

Diện tích 300 ha, tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2016 đến 2020 là 300 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 1.500 tỷ đồng.

- Thành lập mới khu công nghiệp Thụy Hải

Diện tích 300 ha, tại xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2016 đến 2020 là 300 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 1.500 tỷ đồng

- *Thành lập mới khu công nghiệp Thái Thượng*

Diện tích 300 ha, tại xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2016 đến 2020 là 300 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 1500 tỷ đồng.

- *Thành lập mới khu công nghiệp Thụy Hà*

Diện tích 192 ha, tại xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2010 đến 2015 là 140 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 700 tỷ đồng.

- *Thành lập mới khu công nghiệp Đông Hoàng*

Diện tích 300 ha, tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, giai đoạn 2011 đến 2015: 50 ha, giai đoạn 2016 đến 2020 là 250 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng giai đoạn 2011 – 2015 là 250 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 là 1.250 tỷ đồng.

- *Thành lập mới khu công nghiệp Hồng Hưng*

Diện tích 300 ha, tại xã Nam Hồng, xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải, giai đoạn 2010 đến 2015: 100 ha, giai đoạn 2016 đến 2020 là 200 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015 là 500 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 1000 tỷ đồng.

2.3.2. Cụm công nghiệp:

Mở rộng:

- *Cụm công nghiệp Trần Lãm*

Diện tích 20 ha, tại Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10,7 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 53,5 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Quỳnh Côi*

Diện tích 50 ha, tại Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, giai đoạn 2011 đến 2015 là 16,3 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 81,5 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Đập Neo*

Diện tích 30 ha, tại xã Đông Tiến, huyện Quỳnh Phụ, giai đoạn 2011 đến 2015 là 14,8 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 75 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Hội Hải*

Diện tích 15 ha, tại xã Quỳnh Hội và Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, giai đoạn 2011- 2015 là 6,2 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 31 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Xuân Quang*

Diện tích 50 ha, tại xã Đông Xuân và Đông Quang, huyện Đông Hưng, giai đoạn 2011 đến 2015 là 23,2 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 111,5 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Minh Lãng*

Diện tích 15 ha, tại xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, giai đoạn 2011 đến 2015 là 5,3 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 26,5 tỷ đồng

- *Cụm công nghiệp Phúc Thành*

Diện tích 15 ha, tại xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, giai đoạn 2011 đến 2015 là 9 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 45 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Thanh Tân

Diện tích 25 ha, tại xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, giai đoạn 2011 đến 2015 là 14,5 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 72,5 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Cửa Lân

Diện tích 50 ha, tại xã Nam Thịnh, huyện Tiên Hải, giai đoạn 2011 đến 2015 là 20 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 100 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Nguyên Xá

Diện tích 20 ha, tại xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10,5 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 52,5 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Thái Phương

Diện tích 20 ha, tại xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 9,8 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 49 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Đông Tu

Diện tích 50 ha, tại Thị trấn Hưng Hà và xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 13,8 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 69 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Đông Đô

Diện tích 15 ha, tại xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 7 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 35 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Minh Tân

Diện tích 15 ha, tại xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 8,3 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 41,5 tỷ đồng.

Thành lập:

- Cụm công nghiệp Nam Cao

Diện tích 10 ha, tại xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 50 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Vũ Quý

Diện tích 20 ha, tại xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10,07 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 45 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Minh Tân

Diện tích 10 ha, tại xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 50 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Nam Hà

Diện tích 20 ha, tại xã Nam Hà, huyện Tiên Hải, giai đoạn 2011 đến 2015: 20 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 100 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Nam Cường

Diện tích 15 ha, tại xã Nam Cường, huyện Tiên Hải, giai đoạn 2011 đến 2015 là 15 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 75 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Thụy Phong*

Diện tích 40 ha, tại xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2011 đến 2015: 20 ha, giai đoạn 2016 đến 2020 là 20 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 100 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 là 100 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Thụy Dân*

Diện tích 10 ha, tại xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 50 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Thái Thọ*

Diện tích 50 ha, tại xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, giai đoạn 2011 đến 2015 là 50 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 250 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Phong Châu*

Diện tích 30 ha, tại xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, giai đoạn 2011 đến 2015 là 30 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 150 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Mê Linh*

Diện tích 15 ha, tại xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, giai đoạn 2011 đến 2015 là 15 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 75 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Hồng Châu*

Diện tích 11 ha, tại xã Hồng Châu, huyện Đông Hưng, giai đoạn 2016 đến 2020 là 11 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 55 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Hưng Nhân*

Diện tích 50 ha, tại Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 24,5 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 122,5 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Nhất Cẩm*

Diện tích 40 ha, tại xã Văn Cẩm và Thống Nhất, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 40 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 200 tỷ đồng.

- *Cụm công nghiệp Tiên Phong*

Diện tích 10 ha, tại Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2011 đến 2015 là 10 ha. Nhu cầu đầu tư hạ tầng là 50 tỷ đồng.

2.4. Tổng hợp:

- Diện tích theo QĐ 823 là 7.215 ha (trong đó có 18 KCN: diện tích 4.659 ha và 72 Cụm, điểm công nghiệp: diện tích 2.556 ha).

- Diện tích điều chỉnh theo qui hoạch mới là 4.399 ha (trong đó có 15 KCN: diện tích 3.172 ha và 43 Cụm công nghiệp: diện tích 1.226 ha). Tổng diện tích điều chỉnh giảm so với Quyết định 823 là 2.816 ha. Trong đó có bổ sung thêm mới 1.500 ha đất bãi ven biển, đất ven sông, đất canh tác kém hiệu quả (1.200 ha đất ven biển, 300 ha đất lúa, đất ven sông).

Như vậy theo điều chỉnh mới, diện tích đất trồng lúa trong nội đồng giảm 4.016 ha so với Quyết định 823. Tổng hợp các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (xem bảng phụ lục).

III. PHÂN KỲ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

3.1. Giai đoạn 2011-2015: Tổng diện tích qui hoạch xây dựng khu, cụm công nghiệp tăng thêm là 865 ha.

- Dự kiến mở rộng 18 khu, cụm CN với diện tích tăng thêm 474 ha,
- Thành lập thêm 13 khu, cụm công nghiệp có tổng diện tích 391 ha.

3.2. Giai đoạn 2016-2020: Tổng diện tích qui hoạch xây dựng khu, cụm công nghiệp tăng thêm là 1.619 ha.

- Dự kiến mở rộng 04 khu, cụm công nghiệp với diện tích tăng thêm 569 ha, thành lập mới 04 khu, cụm công nghiệp có tổng diện tích 1.050 ha.

IV. VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU, CỤM CN

Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp bao gồm: Chi phí xây dựng các công trình hạ tầng như hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải; hệ thống cấp nước, hệ thống điện và các công tác khác như san nền, làm đường nội bộ, trồng cây xanh.

Căn cứ Tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình năm 2008 ban hành kèm theo Công văn số 292/BXD-KTXD ngày 03/03/2009 của Bộ Xây dựng: Bình quân 1 ha diện tích cụm công nghiệp (qui mô dưới 100 ha) có suất vốn đầu tư hạ tầng 5.740 triệu đồng, trong đó chi phí xây dựng là 4.980 triệu đồng, chi phí thiết bị là 240 triệu đồng. Dự kiến tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 ước tính khoảng 12.020 tỷ đồng.

SST	Chỉ tiêu	2011 - 2015	2016 - 2020
1	Diện tích khu, CCN bổ sung (ha)	865	1.619
2	Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng hạ tầng (tỷ đồng)	3.925	8.095

V. CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC KHU CỤM CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2020.

5.1. Chính sách thu hút đầu tư

- Để có thể thu hút nguồn vốn FDI cần vận dụng hợp lý các cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục đầu tư nhằm khuyến khích các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp của tỉnh gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm.

- Ưu tiên cho đầu tư trực tiếp 100% vốn nước ngoài, nhất là các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có tầm cỡ trên thế giới, vào các khu công nghiệp, tranh thủ tiếp cận công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý, điều hành tiên tiến để mở lối thâm nhập vào thị trường thế giới.

- Tranh thủ mọi hình thức đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ của Luật Đầu tư. Đồng thời có chính sách ưu đãi thích hợp thu hút nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài thông qua các phương tiện thông tin, thân nhân trong nước để nhanh chóng lấp đầy các khu, cụm công nghiệp sau khi được thành lập.

- Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ban hành các chính sách cụ thể riêng cho các huyện sẽ xây dựng các khu, cụm công nghiệp để đẩy nhanh tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tập trung.

5.2. Chính sách hỗ trợ về tài chính

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu như điện, cấp thoát nước, đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc đến tận hàng rào các cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh để đền bù giải phóng mặt bằng, lập qui hoạch chi tiết theo qui định hiện hành của pháp luật.

- Hỗ trợ chi phí di dời vào cụm công nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường đang ở xen kẽ với khu vực dân cư.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, mua sắm thiết bị công nghệ xử lý nước thải, chất thải của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ khác trong cụm công nghiệp để cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê.

- Căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh, qui định mức và bố trí vốn đầu tư để thực hiện các hạng mục: Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp.

- Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, hàng năm căn cứ khả năng cân đối vốn đầu tư của ngân sách, nhu cầu và tình hình triển khai dự án, UBND tỉnh đề xuất để Nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong hàng rào cụm công nghiệp.

5.3. Chính sách huy động vốn.

Tạo điều kiện để các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư theo qui định tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Xây dựng cơ chế ưu đãi để huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu; liên doanh liên kết trong hợp tác sản xuất. Hàng năm có báo cáo tài chính minh bạch để các cổ đông nắm được các chiến lược phát triển công ty, phát triển sản phẩm để từ

đó thu hút vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp.

5.4. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động để làm việc trong các doanh nghiệp thuộc cụm công nghiệp, mức hỗ trợ có thể lên đến 1,5 triệu đồng/người.

Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, và các tổ chức kinh tế. Đối với đội ngũ quản lý doanh nghiệp phải được đào tạo qua các trường quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp. Những cán bộ trẻ có năng lực cần được gửi đi đào tạo tại các nước phát triển.

Sử dụng hợp lý nguồn lao động được đào tạo, phát huy mọi khả năng sáng tạo của từng cá nhân trong tập thể người lao động.

Xây dựng cơ chế, chính sách về thu hút lao động vào các khu, cụm công nghiệp tập trung; Cơ chế, chính sách hỗ trợ giải quyết chỗ ở cho lao động tại các khu, cụm công nghiệp; Cơ chế hỗ trợ công tác đào tạo tại chỗ nguồn lực lao động cho các cụm công nghiệp.

5.5. Chính sách thuế

Có chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, về miễn, giảm tiền thuê đất và một số các ưu đãi khác thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện chính sách thuế khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư đã được ban hành.

Các nhà đầu tư nộp tiền thuê đất 1 lần sẽ được ưu tiên miễn, giảm.

5.6. Chính sách hỗ trợ hoạt động phát triển cụm công nghiệp

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp;

Tổ chức thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu, cụm công nghiệp;

Tổ chức hoạt động khảo sát, thăm quan, học tập kinh nghiệm phát triển khu, cụm công nghiệp ở trong nước và nước ngoài;

Có chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ từ giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý môi trường cho từng khu, cụm công nghiệp để khi các nhà máy đi vào hoạt động thì chấm dứt hoạt động xây dựng hạ tầng cả trong và ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp./.